TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **23**/2017/DS-ST
Ngày: 15/9/2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Hoàng Việt

2/ Ông Nguyễn Văn Hành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2017/TLST-DS ngày 19/5/2017 về tranh hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐST-DS ngày 01/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V

Địa chỉ: Phố Đ, phường Đ, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Th

Địa chỉ: Đường L, khóm 1, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn T (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 03/3/2017 của nguyên đơn Ngân hàng V (sau đây gọi là Ngân hàng) yêu cầu ông Nguyễn T trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi là 36.184.034 đồng (trong đó vốn vay 19.923.393 đồng và lãi là 16.260.641 đồng), vì vào ngày 23/10/2014 ông T có ký kết hợp đồng tín dụng số 20141023 – 112015 – 0004 với Ngân hàng vay số tiền 20.781.036 đồng, lãi suất 4,59%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 20.781.393 đồng và lãi là 22.204.607 đồng, tổng cộng 42.986.000 đồng và trả chậm liên tiếp trong 35 tháng, thanh toán vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, 34 tháng đầu mỗi tháng trả 1.205.000 đồng, tháng cuối trả 2.016.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 01/12/2014 đến 01/10/2017 là dứt nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền và có trả cho Ngân hàng được 04 với số tiền 4.836.000 đồng (gốc 857.643 đồng và lãi 3.978.357 đồng), còn nợ lại 36.184.034 đồng (trong đó nợ vay tới hạn là 27.699.000 đồng và nợ gốc chưa đến

hạn là 8.485.034 đồng).

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn T,* nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Nguyễn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] Khi thụ lý Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là chưa phù hợp, bởi vì giữa Ngân hàng là tổ chức tín dụng cho ông T vay tiền theo hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thì mới phù hợp với quy định của pháp luật

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141023 – 112015 – 0004 ông T có vay của Ngân hàng số tiền 20.781.036 đồng, lãi suất 4,59%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 20.781.393 đồng và lãi là 22.204.607 đồng, tổng cộng 42.986.000 đồng và trả chậm liên tiếp trong 35 tháng, thanh toán vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, 34 tháng đầu mỗi tháng trả 1.205.000 đồng, tháng cuối trả 2.016.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 01/12/2014 đến 01/10/2017 là dứt nợ. Ông T đã nhận đủ số tiền, trong quá trình thực hiện hợp đồng có trả cho Ngân hàng được 04 kỳ tổng cộng là 4.836.000 đồng (gốc 857.643 đồng và lãi 3.978.357 đồng) thì ngưng, kể từ ngày 24/4/2015 đến nay, ông T không tiếp tục trả cho Ngân hàng theo thỏa thuận, hiện còn nợ lại số tiền 36.184.034 đồng (trong đó nợ vay tới hạn là 27.699.000 đồng và nợ gốc chưa đến hạn là 8.485.034 đồng), nên Ngân hàng kiện đòi ông T trả lại số tiền nêu trên. Xét thấy, việc ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm Điều 2 và Điều 7 của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông T là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, có nội dung Ngân hàng khởi kiện đòi ông T trả số tiền vốn và lãi vay như trên, nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do Ngân hàng xuất trình, nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định ông T có vay tiền của Ngân hàng hiện còn nợ số tiền 36.184.034 đồng đồng, nên Ngân hàng yêu cầu ông T trả số tiền nên trên phù

hợp với quy định tại Điều 280, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ Ngân hàng V có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông T phải trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Nguyễn T phải chịu 1.809.201 đồng án phí sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân V. Buộc bị đơn ông Nguyễn T trả cho Ngân hàng V số tiền nợ tới hạn là 27.699.000 đồng và nợ gốc chưa tới hạn là 8.485.034, tổng cộng 36.184.034 đồng (Ba mươi sáu triệu một trăm tám mươi bốn ngàn không trăm ba mươi bốn đồng)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Ngân hàng V có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn T còn phải trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn T phải chịu 1.809.201 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 904.600 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006302, ngày 18/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chiêm Ngọc Linh